TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 11 - 2020
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thả

Bà Nguyễn Thị Mùa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48 ngày 29/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Công S**, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Số 467, khu phố SĐ, phường TX, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.
- *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Thanh K**, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Công S trình bày:

Anh Sinh và chị Phạm Thị Thanh K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03 tháng 02 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có nhiều bất đồng, đến năm 2014 chị K bỏ về nhà tại xã BT, huyện Bù Gia Mập cho đến nay. Anh S xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị K.

Về con chung: Không có con nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Phạm Thị Thanh K:*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 97/TB-TLVA ngày 22/5/2020, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 39/TB-TA ngày 29/6/2020 và Thông báo tiếp tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 53/TB-TA ngày 10/7/2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/10/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2020, nhưng chị K vẫn không cung cấp lời trình bày kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và cố tình vắng mặt không có lý do.

- *Theo Biên bản xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại UBND xã TP, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có nội dung:*

Anh Nguyễn Công S và chị Phạm Thị Thanh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐP vào ngày 03/02/2012. Trong thời gian chung sống tại địa phương anh S và chị K không có phát sinh mâu thuẫn gì, tuy nhiên, năm 2014 chị K bỏ đi khỏi địa phương, hiện nay anh S và chị K đều bỏ đi khỏi địa phương không còn chung sống với nhau nữa

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:*

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh S về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án hôn nhân & gia đình về "Ly hôn", do nguyên đơn anh Nguyễn Công S thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn chị Phạm Thị Thanh K trú tại thôn 3, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2] Bị đơn chị Phạm Thị Thanh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước vào ngày 03 tháng 02 năm 2012. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị K là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình chung sống anh S và chị K phát sinh mâu thuẫn, theo anh S thì vợ chồng có nhiều bất đồng, đến năm 2014 chị K bỏ về nhà tại xã BT, huyện Bù Gia Mập cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị K không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục dích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S, cho anh Sinh được ly hôn với chị K theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn anh S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Công S.

Quyết định cho anh Nguyễn Công S ly hôn chị Phạm Thị Thanh K.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Công S và chị Phạm Thị Thanh K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh S phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh sinh đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019246 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Phần án phí anh S đã thi hành xong.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/11/2020). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKS huyện Bù Gia Mập;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS Bù Gia Mập;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thoại